

Bản án số: 350 /2026/DS-PT
Ngày: 23 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Bích Tuyền;

Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2026/DS-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 460/DS-ST ngày 05-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155 /2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **101/1/11A Ô, ấp K, xã H, tỉnh Tây Ninh.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: **ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.** Theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2025; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm 1995; có mặt.

2.2 Ông **Mai Hoa Anh H**, sinh năm 1995; có mặt.

Cùng cư trú: **101/1/11A Ô 3, ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.**

3. Người kháng cáo: Bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa A H** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Trần Thị Trúc L** và người đại diện theo ủy quyền bà

Nguyễn Thị Ngọc S trình bày: Thông qua quen biết bà **Trần Thị Trúc L** có tham gia hợp đồng hụi của vợ chồng bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa Anh H** tổ chức thông qua nhóm zalo như sau:

- Ngày 05/03/2025 hụi 1.000.000đ/ 15 ngày, bà **L** tham gia 1 phần. Bà đã đóng phần hụi này cho đến 17/09/2025 là 12 lần nên số tiền mà vợ chồng bà **T** phải trả cho bà **L** là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

- Ngày 25/09/2024 hụi 1.000.000đ/ tháng, bà **L** tham gia 1 phần. Bà đã đóng phần hụi này cho đến 17/09/2025 là 12 lần nên số tiền mà vợ chồng bà **T** phải trả cho bà **L** là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Ngoài ra bà **L** còn tham gia chơi hụi đúp do vợ chồng bà **T** tổ chức:

- Ngày 01/09/2025 hụi 300.000đ/1 ngày, bà **L** tham gia 6 phần. Vợ chồng bà **T** có kêu bà đóng 1 lần với số tiền là 46.980.000 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) vợ chồng bà **T** sẽ thanh toán 51.300.000 đồng.

- Ngày 02/09/2025 hụi 300.000đ/1 ngày, bà **L** tham gia 10 phần. Vợ chồng bà **T** có kêu bà đóng 1 lần với số tiền là 78.300.000đ (bảy mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) vợ chồng bà **T** sẽ thanh toán 85.500.000 đồng.

- Ngày 22/08/2025 hụi 300.000đ/1 ngày, bà **L** tham gia 17 phần. Vợ chồng bà **T** có kêu bà đóng 1 lần với số tiền là 133.110.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu một trăm mười nghìn đồng) vợ chồng bà **T** sẽ thanh toán 145.350.000 đồng.

Vậy tổng số hụi mà vợ chồng bà **T** phải trả cho bà **L** là 306.150.000đ (Ba trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 17/09/2025 vợ chồng bà **T** tuyên bố vỡ hụi với bà cũng như không chịu thanh toán tiền hụi cho bà **L** mà còn tiếp tục tổ chức cho nhiều người tham gia chơi hụi.

Nay bà **Trần Thị Trúc L** yêu cầu: Buộc bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa Anh H** có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà **L** số tiền là 306.150.000đ (Ba trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Trả một lần bằng ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày: Bà là chủ thảo hụi và bà **Trần Thị Trúc L** có tham gia nhiều dây hụi của bà. Bà thừa nhận có nợ tiền hụi của bà **Trần Thị Trúc L** như phía bà **L** trình bày là 306.150.000đ nhưng nay do khó khăn nên bà xin trả tiền hụi gốc là 277.000.000đ nhưng bà đã trả được 5.000.000đ nên chỉ còn nợ 272.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả hàng tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ cho đến khi hết số nợ. Hiện nay các dây hụi đã mãn và còn một số dây hụi đã bể hụi vì các hụi viên không đóng tiền cho bà. Việc bà tổ chức tham gia góp hụi từ 2022 đến nay tất cả chỉ thông qua bà **T** nên chồng bà là ông **Mai Hoàng Anh H1** không biết. Vì vậy, việc yêu cầu ông **H1** liên đới trả nợ theo ý kiến của bà thì bà không biết.

Bị đơn ông Mai Hoa Anh H trình bày như sau: Ông và bà **Lê Thị Cẩm T** có chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2019. Trong thời gian chung sống, ông có biết vợ ông là bà **T** có làm hụi trên mạng, ông đã không đồng ý và đã khuyên ngăn bà **T** nên vợ chồng ông bà đã xảy ra mâu thuẫn từ đó. Toàn bộ thời gian vợ ông làm hụi trên mạng, ông và vợ ông ít trao đổi về vấn đề hụi. Trong quá trình bà **T** làm hụi, nhiều lần hụi viên không đóng và bà **T** đã lấy tiền

nhà, dùng tài sản riêng của ông bán để cản trừ tiền hụi. Đến đầu năm 2025 thì gia đình xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên vào tháng 08 năm 2025 ông bà đã ly hôn.

Nay trước yêu cầu ông liên đới trả số tiền hụi mà bà **T** nợ thì ông không đồng ý vì không có khả năng trả. Và việc chơi hụi này là giữa chị **Trần Thị Trúc L** và bà **T**, không liên quan gì đến ông và ông cũng không biết bà **Trần Thị Trúc L** là ai. Toàn bộ số tiền hụi trong thời gian này ông không biết, ông không nhận tiền của bà **L** và cũng không kêu gọi bà chơi hụi. Hụi này do bà **L** và bà **T** tự thỏa thuận cùng nhau chơi nên ông hoàn toàn không biết. Vì bận công việc nên ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Tại phiên tòa phía nguyên đơn do bà **Trần Thị Trúc L** cũng như bà **Nguyễn Thị Ngọc S** thống nhất trình bày:* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện vì trước đây nguyên đơn yêu cầu số tiền 306.150.000đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà **T** đã trả cho bà được số tiền 5.000.000đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 301.150.000đồng. Việc tham gia góp hụi chồng bà **T** là ông **Mai Hoa A H** biết và còn tham gia trong nhóm chat Zalo hụi. Tất các năm hụi viên kiện hôm nay đều xác định ông **H** biết việc tham gia hụi nên phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi cho bà. Bà không đồng ý phương án xin trả dần như bà **T** trình bày.

*Tại phiên tòa phía bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** trình bày:* Hụi do bà làm chủ thảo bị bể hụi từ tháng 09/2025 do các hụi viên không đóng cho bà. Bà chỉ làm thảo hụi và không có công việc gì khác, **Z** nhóm hụi ông **Mai Hoa A H** có vào nhóm là do con của bà tự đưa vào nhóm **Z**, sau này biết nên bà có xóa anh **H** ra khỏi nhóm Zalo hụi. Bà thừa nhận số nợ nhưng do bà **Trần Thị Trúc L** đã tham gia hụi với bà đã được hơn hai năm nên bà **L** cũng thu lời nhiều từ việc chơi hụi cũng như hiện nay do khó khăn nên bà **T** xin chỉ trả tiền hụi gốc là 277.000.000đồng nhưng bà đã trả được 5.000.000đồng nên chỉ còn nợ 272.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

*Tại phiên tòa phía bị đơn ông **H** trình bày:* Ông làm nghề tài xế lương tháng từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng. Việc tham gia hụi ông hoàn toàn không biết, ông cũng đã ly hôn với bà **T** nên ông không đồng ý liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 460/DS-ST ngày 05-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Tây Ninh đã xử.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 288, Điều 471, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 15, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biểu, phùng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Trúc L** về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa Anh H**.

Buộc bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa Anh H** phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Trần Thị Trúc L** số tiền nợ hụi tổng cộng là **301.150.000đồng** (ba trăm lẻ một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, ông **H** kháng cáo không đồng ý liên đới với bà **T** trả nợ cho bà **L**.

Ngày 19/11/2025, bà **T** kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà trả cho bà **L** số tiền 272.000.000 đồng, không đồng ý trả theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà **T** trình bày: bà **T** rút lại đơn kháng cáo. Đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ông **H** trình bày: ông giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý liên đới trả nợ với bà **T** cho bà **L**. Việc bà **T** chơi hụi với bà **Tiên Ô** không biết.

Đại diện bà **L** trình bày: bà không đồng ý kháng cáo của ông **H**. Việc bà **L** chơi hụi với bà **Tiên** ông **H** biết, ông **H** có tham gia nhóm Zalo của các đây hụi cùng với các hụi viên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung;

Tại phiên tòa, bà **Cẩm T** rút yêu cầu kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, việc rút kháng cáo là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của bà **Cẩm T**, căn cứ Điều 289 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà **Cẩm T**.

Về nghĩa vụ liên đới: ông **H** thừa nhận có biết việc bà **T** tham gia hụi trên mạng, ông **H** có ngăn cản, quá trình làm hụi bà **T** đã nhiều lần lấy tiền, tài sản nhà để cân trừ nợ hụi. Việc tham gia hụi của bà **T** phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, thu nhập chính của bà **T** từ việc làm chủ hụi nhằm phục vụ cho sinh hoạt chi tiêu trong gia đình nên cấp sơ thẩm buộc ông **H** cùng bà **T** có trách nhiệm liên đới trả cho bà **L** số tiền 301.150.000 đồng là có căn cứ theo Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình.

Ông **H** kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông **H** cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông **Mai Hoa Anh H**.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 460/2025/DS-ST ngày 05/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/11/2025, cấp sơ thẩm tuyên án. Ngày 18/11/2025, ông **H** kháng cáo, ngày 19/11/2025, bà **T** kháng cáo. Kháng cáo của ông **H**, bà **T** trong thời hạn theo quy định tại Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà **Cẩm T** rút yêu cầu kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, việc rút kháng cáo là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của bà **Cẩm T**, căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà **Cẩm T**

[3] Xét kháng cáo của ông **H** không đồng ý liên đới cùng bà **T** trả tiền cho bà **L** thấy rằng: ông **H** và bà **T** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2019, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn **H**, huyện **Đ**, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã **H**, tỉnh Tây Ninh) cấp nên hôn nhân giữa ông **H** và bà **T** là hôn nhân hợp pháp đến ngày 26/9/2025, giữa ông **H** và bà **T** ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 260/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Tây Ninh. Trong thời gian ông **H** sống chung với bà **T**, bà **T** làm thảo hụi ông **H** có biết. Tại bản tự khai ngày 15/10/2025 ông **H** trình bày có biết việc bà **T** tham gia hụi và có can ngăn nhưng ông **H** không cung cấp được chứng cứ phản đối bà **T** làm thảo hụi. Tuy nhiên trong nhóm **Z** hụi ông **H** có tham gia và qua đối chất giữa các hụi viên bà Nguyễn Thị Ái X, Huỳnh Nguyễn Trúc N, Trần Thị Trúc L, Huỳnh Thị Trúc L1, Lý Thị Diễm T1 với ông Mai Hoa Anh H và bà Lê Thị Cẩm T đều xác định ông **H** có biết việc giam gia góp hụi của bà **T**. Bà **T** làm thảo hụi có tiền phục vụ cho sinh hoạt chi tiêu của gia đình bà **T** và ông **H**. Nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông **H** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **L** số tiền 301.150.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, ông **H** không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông **H**. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 460/DS-ST ngày 05-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Tây Ninh.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà **T** và ông **H** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

7.654.000đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005086 ngày 26/9/2025.

3. Về án phí phúc thẩm dân sự: Buộc bà **Lê Thị Cẩm T** và ông **Mai Hoa Anh H** mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo mỗi người đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012765 ngày 19/11/2025 và biên lai thu số 0012819 ngày 20/11/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông **H**, bà **T** đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Khu vực 3- Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Phòng THA dân sự Khu vực 3 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân